

THỐNG KÊ MẠNG LƯỚI TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH, GIÁO VIÊN THPT

NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Đơn vị	Tổng số trường	Chuẩn quốc gia	Tổng số			Chia ra							Cán bộ GVCNV					Phòng học			
							Lớp 10			Lớp 11		Lớp 12		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Chia ra		
				Lớp	Học sinh	Trong đó: tuyển mới	Lớp	Học sinh	Trong đó: tuyển mới	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh		CBQL	Giáo viên	Giáo viên đoàn đội	Nhân viên		Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	TỔNG SỐ	111	60	2,868	120,846	40,053	960	40,194	39,972	962	41,135	946	39,517	6,948	308	5,971	66	669	1,021	1,017	3	1
2	(3500003001) Trường THCS - THPT Mensa	1		6	69	13	2	13	13	2	34	2	22	15	1	12	1	2	1	1		
3	(3500004001) Trường tiểu học, THCS và THPT FPT Hà Nam	1		9	261	89	3	89	89	4	115	2	57	27	3	13		11	16	16		
4	(35000701) Trường THPT A Phủ Lý	1	1	31	1,304	399	10	399	399	10	436	11	469	76	3	69		4	1	1		
5	(35000702) Trường THPT B Phủ Lý	1		32	1,376	423	10	423	423	11	476	11	477	76	3	65		8	1	1		
6	(35000703) Trường THPT A Duy Tiên	1		28	1,187	381	9	381	381	10	427	9	379	66	3	56		7	29	29		
7	(35000704) Trường THPT B Duy Tiên	1		28	1,179	417	10	418	417	9	391	9	370	68	3	57		8	1	1		
8	(35000705) Trường THPT C Phủ Lý	1	1	18	718	247	6	248	247	6	243	6	227	46	3	38	1	5	18	18		
9	(35000706) Trường THPT A Kim Bảng	1	1	24	998	338	8	338	338	8	334	8	326	58	3	52		3	1	1		
10	(35000707) Trường THPT B Kim Bảng	1	1	27	1,130	379	9	379	379	9	377	9	374	67	2	60		5	1	1		
11	(35000708) Trường THPT C Kim Bảng	1		24	1,007	333	8	333	333	8	342	8	332	58	3	51		4	1	1		
12	(35000709) Trường THPT Lý Nhân	1		36	1,534	497	12	498	497	12	530	12	506	89	3	80		6	36	36		
13	(35000710) Trường THPT Bắc Lý	1		24	1,005	338	8	337	337	8	345	8	323	61	3	54		4	24	24		
14	(35000711) Trường THPT Nam Lý	1		25	1,018	339	9	340	339	8	344	8	334	62	3	52	1	7	1	1		
15	(35000712) Trường THPT A Thanh Liêm	1	1	27	1,110	372	9	373	372	9	378	9	359	66	3	58		5	2	2		
16	(35000713) Trường THPT B Thanh Liêm	1	1	24	1,009	335	8	335	335	8	342	8	332	64	2	56		6	27	27		
17	(35000714) Trường THPT A Bình Lục	1		27	1,114	376	9	376	376	9	375	9	363	64	3	58		3	1	1		
18	(35000715) Trường THPT B Bình Lục	1		27	1,138	381	9	381	381	9	386	9	371	69	3	58		8	1	1		
19	(35000716) Trường THPT C Bình Lục	1		27	1,092	368	9	376	368	9	356	9	360	68	2	60		6	1	1		
20	(35000717) Trường THPT C Thanh Liêm	1		18	750	247	6	247	247	6	257	6	246	50	3	41		6	1	1		
21	(35000718) Trường THPT Nam Cao	1		18	754	251	6	251	251	6	254	6	249	46	3	37		6	21	21		
22	(35000719) Trường THPT Nguyễn Hữu Tiển	1		18	750	251	6	251	251	6	255	6	244	42	2	36		4	2	2		
23	(35000720) Trường THCS và THPT Nguyễn Tất Thành	1		16	558	224	6	225	224	6	205	4	128	66	2	62		2	1	1		

24	(35000724) Trường THPT Lý Thường Kiệt	1		21	860	288	7	290	288	7	292	7	278	55	3	46		6	1	1		
25	(35000725) Trường THPT chuyên Biên Hòa	1		30	1,062	355	10	356	355	10	354	10	352	100	3	89		8	1	1		
26	(35000726) Trường THPT A Nguyễn Khuyến	1	1	18	743	249	6	250	249	6	249	6	244	40	3	34		3	1	1		
27	(35000727) Trường THPT Lê Hoàn	1	1	19	738	293	8	292	292	6	247	5	199	45	3	36		6	1	1		
28	(36000701) Trường THPT A Trần Hưng Đạo	1		38	1,697	552	13	552	552	13	615	12	530	91	3	79	3	9	1	1		
29	(36000702) Trường THPT B Nguyễn Khuyến	1	1	36	1,580	511	12	503	503	12	567	12	510	81	3	73	1	5	36	36		
30	(36000703) THPT Ngô Quyền	1	1	30	1,312	425	10	424	424	10	448	10	440	79	3	68	1	8	1	1		
31	(36000704) THPT B Nguyễn Huệ	1		27	1,213	379	9	378	378	9	415	9	420	60	3	54		3	2	1	1	
32	(36000705) Trường THPT Mỹ Lộc	1	1	32	1,316	461	11	464	460	11	448	10	404	78	3	68		7	1	1		
33	(36000706) Trường THPT Trần Văn Lan	1	1	24	1,029	337	8	337	337	8	345	8	347	60	3	49	2	8	1	1		
34	(36000707) Trường THPT Hoàng Văn Thụ	1	1	30	1,296	421	10	430	421	10	461	10	405	76	3	64	2	9	1	1		
35	(36000708) Trường THPT Lương Thề Vinh	1	1	24	966	340	8	340	340	8	318	8	308	63	3	53	1	7	24	24		
36	(36000709) Trường THPT Nguyễn Bính	1	1	21	896	295	7	296	295	7	317	7	283	51	3	43		5	21	21		
37	(36000710) Trường THPT Nguyễn Đức Thuận	1	1	21	886	295	7	295	295	7	313	7	278	57	3	47	1	7	1	1		
38	(36000711) Trường THPT Tống Văn Trân	1	1	35	1,437	506	12	506	506	12	483	11	448	83	3	71	3	9	1	1		
39	(36000712) TRƯỜNG THPT PHẠM VĂN NGHỊ	1	1	30	1,313	420	10	422	420	10	444	10	447	76	3	67	1	6	30	30		
40	(36000713) Trường THPT Mỹ Tho	1	1	33	1,453	466	11	463	463	11	498	11	492	84	3	71		10	36	36		
41	(36000714) Trường THPT Lý Nhân Tông	1	1	21	847	281	7	284	281	7	288	7	275	50	3	40		7	1	1		
42	(36000715) Trường THPT Đại An	1		21	936	296	7	296	295	7	321	7	319	59	2	47		10	1	1		
43	(36000716) Trường THPT Đỗ Huy Liêu	1		20	858	294	7	293	293	7	312	6	253	47	3	38	1	6	22	22		
44	(36000717) Trường THPT Lý Tự Trọng	1	1	32	1,299	420	10	420	420	11	443	11	436	79	3	69	1	7	32	32		
45	(36000718) Trường THPT Nam Trực	1	1	33	1,465	461	11	462	461	11	501	11	502	85	3	74		8	1	1		
46	(36000719) Trường THPT Nguyễn Du	1	1	26	1,041	326	8	333	326	9	374	9	334	61	3	51		7	1	1		
47	(36000720) Trường THPT Trần Văn Bảo	1	1	23	1,005	336	8	336	335	8	356	7	313	60	4	46		10	1	1		
48	(36000721) Trường THPT Trực Ninh	1	1	36	1,588	505	12	505	505	12	547	12	536	84	3	74		7	36	36		
49	(36000722) THPT Trực Ninh B	1	1	30	1,288	421	10	420	420	10	422	10	446	73	4	58	2	11	1	1		
50	(36000723) Trường THPT Nguyễn Trãi	1	1	24	958	334	8	344	334	8	337	8	277	63	3	52		8	1	1		
51	(36000724) Trường THPT Lê Quý Đôn	1	1	29	1,303	421	10	421	421	10	458	9	424	65	3	56	1	6	1	1		
52	(36000725) Trường THPT A Nghĩa Hưng	1	1	36	1,588	508	12	509	508	12	558	12	521	91	3	79		9	1	1		
53	(36000726) Trường THPT B Nghĩa Hưng	1	1	30	1,235	423	10	425	423	10	413	10	397	76	4	61	3	11	1	1		
54	(36000727) Trường THPT C Nghĩa Hưng	1	1	30	1,275	420	10	420	418	10	454	10	401	67	3	58		6	1	1		

55	(36000728) Trường THPT Trần Nhân Tông	1	1	18	715	250	6	249	249	6	236	6	230	45	3	37		5	1	1		
56	(36000729) Trường THPT Nghĩa Minh	1		18	742	252	6	252	252	6	255	6	235	40	3	32	1	5	1	1		
57	(36000730) Trường THPT Xuân Trường	1	1	36	1,564	512	12	512	512	12	532	12	520	87	4	76		7	1	1		
58	(36000731) Trường THPT Xuân Trường B	1	1	36	1,603	507	12	507	507	12	548	12	548	91	3	77	5	11	1	1		
59	(36000732) Trường THPT Xuân Trường C	1	1	23	1,004	335	8	336	334	8	357	7	311	55	3	43		9	1	1		
60	(36000733) THPT Nguyễn Trường Thúc	1	1	24	961	336	8	338	336	8	315	8	308	57	3	46	1	8	24	24		
61	(36000734) Trường THPT Giao Thủy	1	1	39	1,610	549	13	549	549	13	531	13	530	91	3	78		10	39	39		
62	(36000735) Trường THPT Giao Thủy B	1	1	36	1,613	511	12	511	511	12	549	12	553	81	3	70	1	8	1	1		
63	(36000736) THPT Giao Thủy C	1	1	30	1,301	421	10	426	421	10	441	10	434	65	3	56	1	6	1	1		
64	(36000737) Trường THPT Quất Lâm	1	1	24	1,028	333	8	333	333	8	352	8	343	58	3	46		9	3	3		
65	(36000738) TRƯỜNG THPT A HẢI HẬU	1	1	36	1,483	505	12	505	505	12	479	12	499	81	3	72		6	1	1		
66	(36000739) Trường THPT B Hải Hậu	1	1	30	1,327	429	10	423	422	10	452	10	452	70	3	58		9	30	30		
67	(36000740) Trường THPT C Hải Hậu	1	1	32	1,381	467	11	466	465	11	461	10	454	71	3	60		8	1	1		
68	(36000741) Trường THPT Thịnh Long	1	1	21	902	296	7	297	296	7	302	7	303	55	3	45	1	7	1	1		
69	(36000742) Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1	1	24	1,021	339	8	336	335	8	364	8	321	56	3	45	1	8	2	2		
70	(36000743) Trường THPT An Phúc	1		21	872	294	7	296	294	7	292	7	284	47	3	38	2	6	1	1		
71	(36000744) Trường THPT Vũ Văn Hiếu	1	1	26	1,075	379	9	380	379	9	365	8	330	63	3	51	2	9	26	26		
72	(36000745) Trường THPT Dân Lập Trần Nhật Duật	1		14	658	215	5	217	214	4	201	5	240	26	1	19		6	2	1	1	
73	(36000746) Tiểu học, THCS và THPT Nguyễn Công Trứ	1		28	1,248	361	8	366	361	9	408	11	474	50	2	47	2	1	1	1		
74	(36000747) Trường THPT Trần Quang Khải	1	1	16	762	190	4	193	190	6	278	6	291	35	1	31		3	1	1		
75	(36000748) Trường THPT Ý Yên	1		21	863	297	7	295	294	7	303	7	265	34	2	29		3	21	20	1	
76	(36000749) Trường THPT Nghĩa Hưng	1		11	476	143	3	143	138	4	179	4	154	19	1	16		2	1	1		
77	(36000750) Trường THPT Phan Bội Châu	1		11	475	171	4	169	169	4	177	3	129	23	2	19		2	1	1		
78	(36000751) THPT Quang Trung	1		21	949	317	7	316	314	7	324	7	309	35	3	27	1	5	1	1		
79	(36000752) Trường THPT Đoàn Kết	1		13	561	191	4	200	191	4	172	5	189	27	1	22	1	4	2	2		
80	(36000753) Trường THPT Cao Phong	1		15	704	253	5	257	253	5	225	5	222	28	1	22		5	1	1		
81	(36000754) Trường THPT Thiên Trường	1		25	1,165	385	8	387	384	8	374	9	404	49	3	43	1	3	1	1		
82	(36000755) Trường THPT Tô Hiến Thành	1		21	1,056	346	7	348	346	7	343	7	365	33	1	30		2	1	1		
83	(36000756) Trường THPT Hùng Vương	1		3	74	22	1	24	22	1	19	1	31	22	1	18		3				
84	(36000F01) Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	1	1	48	1,662	550	16	550	550	16	546	16	566	151	3	132	1	16	1	1		

85	(3700000001) Trường Trung học phổ thông Nguyễn Công Hoan	1		6	247	228	6	247	228					8	1	7			1	1		
86	(37000701) THPT Đinh Tiên Hoàng	1	1	33	1,427	463	11	464	463	11	486	11	477	85	3	78	5	4	35	35		
87	(37000702) Trường THPT A Nguyễn Huệ	1	1	33	1,398	462	11	462	461	11	477	11	459	74	3	66		5	41	41		
88	(37000703) Trường THPT Hoa Lư A	1	1	30	1,291	419	10	419	418	10	430	10	442	79	3	72		4	31	31		
89	(37000704) THPT B Trần Hưng Đạo	1		30	1,272	416	10	419	416	10	423	10	430	81	3	73		5	1	1		
90	(37000705) Trường THPT Gia Viễn A	1		30	1,287	422	10	421	421	10	439	10	427	72	4	65		3	30	30		
91	(37000706) Trường THPT Gia Viễn B	1		30	1,299	426	10	421	420	10	444	10	434	72	3	65		4	30	30		
92	(37000707) Trường THPT Gia Viễn C	1		24	992	342	8	340	340	8	325	8	327	56	3	50		3	1	1		
93	(37000708) Trường THPT Nho Quan A	1	1	35	1,475	469	11	466	466	12	512	12	497	77	3	68		6	3	3		
94	(37000709) THPT Nho Quan B	1		33	1,418	464	11	464	462	11	479	11	475	80	3	74	1	3	2	2		
95	(37000710) Trường THPT Yên Mô A	1		30	1,268	429	10	428	426	10	427	10	413	64	3	56		5	30	30		
96	(37000711) Trường THPT Yên Mô B	1		30	1,270	421	10	425	417	10	433	10	412	74	3	66		5				
97	(37000712) THPT Yên Khánh A	1	1	35	1,507	506	12	510	506	12	522	11	475	80	3	74	4	3	3	3		
98	(37000713) THPT Yên Khánh B	1		33	1,394	463	11	464	463	11	468	11	462	75	3	67	2	5	1	1		
99	(37000714) THPT Kim Sơn A	1		33	1,391	466	11	469	466	11	468	11	454	81	3	72		6	33	33		
100	(37000715) Trường THPT Kim Sơn B	1		33	1,422	483	11	488	483	11	457	11	477	80	3	71	1	6	36	36		
101	(37000716) Trường THPT Bình Minh	1		30	1,231	415	10	422	414	10	416	10	393	62	3	55		4	30	30		
102	(37000717) THPT Ninh Bình - Bạc Liêu	1	1	33	1,424	460	11	464	460	11	481	11	479	80	3	72		5	1	1		
103	(37000718) Trường THPT Ngô Thị Nhậm	1		21	898	297	7	295	295	7	309	7	294	54	3	47		4	19	18		1
104	(37000719) Trường THPT Vũ Duy Thanh	1	1	30	1,262	417	10	419	415	10	431	10	412	72	3	62		7	1	1		
105	(37000720) THPT Nguyễn Công Trứ	1		23	992	261	6	260	260	9	373	8	359	51	2	42		7	1	1		
106	(37000721) THPT Trương Hán Siêu	1		13	574	190	5	222	190	5	224	3	128	28	2	21		5	1	1		
107	(37000722) Trường THPT Tạ Uyên	1	1	23	966	335	8	336	335	8	335	7	295	52	3	45		4	4	4		
108	(37000723) THPT Kim Sơn C	1	1	27	1,104	385	9	388	385	9	360	9	356	64	3	57	3	4				
109	(37000725) Trường THPT Nho Quan C	1	1	30	1,260	418	10	419	418	10	421	10	420	70	3	62	1	5	30	30		
110	(37000811) Trường Phổ thông thực hành sư phạm Tràng An	1		14	605	210	5	210	210	5	222	4	173	28	2	23		3	1	1		
111	(37000E01) Trường THPT Dân tộc Nội trú Ninh Bình	1	1	12	407	139	4	140	139	4	138	4	129	44	3	27		14	1	1		
112	(37000F01) THPT chuyên Lương Văn Tụy	1	1	39	1,366	454	13	454	454	13	455	13	457	117	3	109	2	5	36	36		